

Bản án số: 05/2021/HNGĐ- ST

Ngày 26 tháng 02 năm 2021

V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Sinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Khảm

2. Ông Đỗ Hồng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 246/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1982 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 07/9/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị chung sống với anh Nguyễn Duy T từ năm 2009, đến ngày 12 tháng 3 năm 2012 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng thuê nhà ở tại tỉnh Lào Cai, thỉnh thoảng mới về nhà chồng ở xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm. Anh T là người ham chơi, nghiện ma túy nên nợ nần nhiều

người. Khoảng tháng 10/2012 anh T bỏ mẹ con chị về quê, sau đó anh thường xuyên đi làm ăn xa, từ đó đến nay anh T không về chung sống cùng chị cũng như không thăm hỏi gì các con. Vợ chồng ly thân từ tháng 10/2012 đến nay. Đến nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Nguyễn Duy T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 03/7/2009 và Nguyễn Phạm Hoàng G, sinh ngày 23/7/2012, hiện nay cả hai cháu đang ở cùng chị H tại xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. Ly hôn chị H xin nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, đất canh tác: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Duy T, Tòa án báo gọi nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án làm việc.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/12/2020 bà Nguyễn Thị Hợi là mẹ nuôi anh T trình bày: Bà nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc thông báo và triệu tập anh Nguyễn Duy T đến Tòa án làm việc về việc chị Phạm Thị H xin ly hôn anh T nhưng do anh Nguyễn Duy T thường xuyên vắng nhà, bà đã gọi điện thông báo cho anh T biết để anh T về Tòa án làm việc nhưng anh T không về, bà Hợi yêu cầu anh T cung cấp địa chỉ nhưng anh T cũng không cung cấp địa chỉ. Về hôn nhân anh Nguyễn Duy T đi làm ăn ở tỉnh Lào Cai, anh chung sống với chị Phạm Thị H có 01 con chung là Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 03/7/2009, đến năm 2012 anh chị mới đi đăng ký kết hôn. Gia đình bà tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn anh chị đưa nhau đi làm ăn tại tỉnh Lào Cai và sinh thêm một cháu là Nguyễn Phạm Hoàng G, sinh ngày 23/7/2012, thỉnh thoảng anh chị mới đưa nhau về quê, anh chị mâu thuẫn từ khoảng năm 2015 đến nay. Về con chung của vợ chồng như chị H trình bày là đúng. Về tài sản chung của anh chị có gì bà không được biết.

Do bị đơn anh Nguyễn Duy T không có mặt tại địa phương nên Tòa án làm các thủ tục niêm yết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết

vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ về quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H và đề nghị giao cho chị H nuôi cả hai con chung, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, đất canh tác: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Duy T, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Duy T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tiến bộ.

Về tình cảm: Sau kết hôn chị H và anh T chỉ có thời gian ngắn hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, anh chị không có tiếng nói chung, chị H cho rằng anh T là người ham chơi, nghiện ma túy nên nợ nần nhiều người. Khoảng tháng 10/2012 vợ chồng mâu thuẫn, anh T bỏ mẹ con chị về quê, sau đó anh thường xuyên đi làm ăn xa, từ đó đến nay anh T không về chung sống cùng chị H cũng như không thăm hỏi gì các con. Xác minh tại địa phương xã Đại Tự thể hiện anh Nguyễn Duy T có hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng anh thường đi làm ăn xa, rất ít khi ở nhà, sau khi cưới anh chị đưa nhau đi làm ăn tại tỉnh Lào Cai, thỉnh thoảng mới về nhà. Mặt khác, Tòa án báo gọi anh T nhiều lần anh không đến Tòa làm việc thể hiện anh T không có thiện chí về đoàn tụ. Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai thể hiện chị H, anh T kết hôn và khai sinh cho hai con như

chị H trình bày là đúng. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, vì vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Duy T.

Về con chung: Xét đề nghị của chị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu Nguyễn Hoàng L và cháu Nguyễn Phạm Hoàng G, từ khi sinh ra đến nay cả hai cháu đang ở cùng chị H. Ly hôn chị H đề nghị được tiếp tục nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T không đến Tòa, không biết quan điểm ra sao nên cần chấp nhận đề nghị của chị H tiếp tục nuôi cháu L và cháu G. Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, đất canh tác: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T không đến Tòa không rõ quan điểm ra sao nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án giải quyết bằng việc kiện dân sự khác.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Duy T.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 03/7/2009 và Nguyễn Phạm Hoàng G, sinh ngày 23/7/2012 cho đến khi thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, đất canh tác: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000092 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị H có mặt có quyền kháng cáo bản án. Anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai (để vào sổ hộ tịch)
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sinh